

UNIT 6:**FOLK TALES****A CLOSER LOOK 2****I/ NEW WORDS:**

- gown	/gaʊn/	(n) : y phục, lễ phục
- servant	/'sɜː.vənt/	(n) : đầy tớ, người hầu
- wood(s)	/wʊd/	(n) : rừng
- heaven	/'heɪ.vən/	(n) : thiên đường
- roar	/rɔːr/	(n-v): (tiếng) gầm, rống
- anger	/'æŋ.gər/	(n-v) : (sự) tức giận,
- spin-span-spun	/spɪn-spæn spʌn/	(v) : quay tơ
- announcement	/ə'naʊns.mənt/	(n) : thông báo
- frightened	/'fraɪ.tənd/	(adj) : hoảng sợ
- merrily	/'mer.il.i/	(adv) : vui vẻ
- claw	/klɔː/	(n) : vuốt, (v) cào
- footstep	/'fʊt.step/	(n) : bước chân đi